

Bản án số: **20/2019/ HNGĐ-ST**
Ngày 15/05/2019
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn La, ông Nguyễn Quang Vinh.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ
tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.
Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm
sát viên.

Trong ngày 15/05//2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2019/TLST-HNGĐ ngày
05/04/2019 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/04/2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Cường, sinh năm 1988.

ĐKKHKT: Ấp T, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Nh, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh
Nguyễn Văn Ctrình bày: Anh và cô Hoàng Thị Nh có tổ chức lễ cưới và đăng
ký kết hôn vào ngày 03/03/2014 tại UBND xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.
Trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Quá trình
chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm
2018 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cô Nh tự ý đưa con về
xã Th, huyện Lạng Giang sinh sống mà không hỏi ý kiến anh, vợ chồng ly
thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Hiện nay anh thấy tình cảm vợ
chồng không còn, anh xin ly hôn với cô Nh.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn TA, sinh ngày
13/11/2015, hiện nay con đang ở với cô Nh, vợ chồng ly hôn anh xin được
nuôi con chung vợ chồng, hiện nay anh có việc làm thu nhập 12.000.000đồng/
tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản tự khai chị Hoàng Thị Nh trình bày: Về quan hệ vợ chồng: chị và anh Nguyễn Văn C có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 03/03/2014 tại UBND xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Trước khi cưới vợ chồng có được giới thiệu, tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn giữa bố chồng và con dâu, chồng chị nghe theo bố mẹ không can ngăn, vợ chồng có cãi nhau nhiều lần, cuối tháng 01/2019 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Th sinh sống đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn anh C xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung con chung là Nguyễn TA, sinh ngày 13/11/2015, hiện nay con đang ở với chị, vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi con chung vợ chồng.

Hiện nay chị đang đi làm công nhân may tại xã Đại Lâm, thời gian làm việc từ 7 giờ 30 phút sáng đến 6 giờ tối, khi chị đi làm thì bố mẹ chị trông nom con cho chị. Thu nhập của chị là 7.000.000 đồng trên tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 14/05/2019 Tòa án có nhận được công văn số 216/CV-BTV ngày 10/05/2019 của Hội liên hiệp phụ nữ C về việc đề nghị Tòa án nhân dân huyện C nghiên cứu, xét xử đảm bảo, quyền lợi, lợi ích hợp pháp chính đáng cho chị Hoàng Thị Nh theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp xét công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn C có ý kiến: Anh vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện: Anh xin được ly hôn với chị Nh vì vợ chồng có mâu thuẫn, về con anh xin được nuôi con chung của vợ chồng, hiện nay anh đang sống cùng với bố mẹ anh tại Đồng Nai, anh có việc làm ổn định, từ khi con được sinh ra anh cùng với bố mẹ anh với chị Nh cùng chăm sóc con, anh không đồng ý để chị Nh nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Chị Hoàng Thị Nh tại phiên tòa hôm nay chị đồng ý ly hôn với anh Cường.

Về con chung: Chị xin được nuôi con chung của vợ chồng, hiện nay chị có việc làm, có chỗ ở ổn định chị có đủ điều kiện để nuôi con. Mẹ con chị đã đăng ký tạm trú tại xã Th, con trai chị đã đi học mẫu giáo tại xã Th, chị ở cùng với bố mẹ chị, hàng ngày chị đi làm thì bố mẹ chị sẽ trông con cho chị,

chị không đồng ý để anh Cnuôi con vì từ khi con được sinh ra chị là người trực tiếp nuôi con, anh Ckhông quan tâm đến con.Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh Ccấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Cường:

-Về quan hệ vợ chồng: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Cvà chị Hoàng Thị Nh.

- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Nh nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn TA, sinh ngày 13/11/2015.

- Về án phí: Anh Chị Nguyễn Văn Cchịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn C cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Th, huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[3].Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

[4].Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Cvà chị Hoàng Thị Nh đã đăng ký kết hôn vào ngày ngày 03/03/2014 tại UBND xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh C , chị Nh là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của anh C , chị Nh đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân, trong quá trình giải quyết tại Tòa án anh C , chị Nh đều đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân việc này trái với các quy định tại các

điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh C và chị Nh.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn TA, sinh ngày 13/11/2015. Hiện nay con vẫn đang ở với chị Nh. Trong quá trình giải quyết vụ án anh C, chị Nh đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: Anh C hiện nay đang sinh sống tại Đồng Nai, thu nhập của anh C 12.000.000 đồng/ tháng, chị Nh hiện nay đang sinh sống tại Th, chị Nh có việc làm, thu nhập hàng tháng từ 7.000.000 đồng / tháng, hiện cháu TA đã nhập học tại xã Th, từ nhỏ cháu ở với chị Nh cháu vẫn khỏe mạnh. Theo điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: “Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con”, và Hội liên hiệp phụ nữ huyện Lạng Giang có ý kiến đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho chị Nh. Hiện nay cháu TA đang học tập và sinh sống với chị Nh ổn định tại xã Th, cháu mới hơn 03 tuổi nên cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn, anh C hiện ở Đồng Nai. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con, nên cần giao con Nguyễn TA cho chị Nh nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Anh C có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Nh không yêu cầu anh C cấp dưỡng con.

[6]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh C và chị Nh không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C với chị Hoàng Thị Nh.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Nh nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Nguyễn TA, sinh ngày 13/11/2015.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Anh C có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007099 ngày 05/04/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Anh C đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Cường, chị Nh có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự .

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà

